TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2022/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên P, ngày 09 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số **20**/2022/TB-TLTA, ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn"* giữa:

Nguyên đơn: Ông **Đặng Thế C;** địa chỉ: Số nhà x, Tổ dân phố y, phường z, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Bà **Vũ Hồng Th;** địa chỉ: Số nhà x, Tổ dân phố y, phường z, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- **Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển chi nhánh tỉnh Điện Biên - Phòng giao dịch N**. Địa chỉ trụ sở: Số a, đường v, phường N, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt B - Chức vụ: giám đốc Ngân hàng m chi nhánh tỉnh Điện Biên - Phòng giao dịch N.

- Ông **Trần Văn S**, địa chỉ: Số nhà j, tổ dân phố k, phường l, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ:

- Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

- Điểm a, đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản ly và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Thế C và bà Vũ Hồng Th.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Ông Đặng Thế C và bà Vũ Hồng Th thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Ông Đặng Thế C và bà Vũ Hồng Th có hai con chung là cháu Đặng Vũ Tú L, sinh ngày 08/4/2002 và cháu Đặng Tuấn N1, sinh ngày 12/10/2008. Bà Th được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu N1 số tiền 2.500.000 đồng/tháng; cấp dưỡng 01 tháng 01 lần, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/3/2022.

Cháu L đã đủ tuổi thành niên, phát triển khỏe mạnh cả tinh thần và thể chất nên ông C, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con thực hiện theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về Tài sản chung, nợ chung:

- Tài sản chung: 01 ngôi nhà xây cấp 4, lợp tôn, diện tích xây dựng là 90 m^2 trên thửa đất số 25, tờ bản đồ số 35, địa chỉ Tổ dân phố y, phường z, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CM 176543, số vào sổ cấp CH41440 do UBND thành phố Điện Biên P cấp ngày 04/6/2018 mang tên người sử dụng ông Đặng Thế C và bà Vũ Hồng Th) trị giá thỏa thuận là 1.100.000.000 đồng và 243.817.000 đồng.

- Nợ chung: Nợ Ngân hàng m chi nhánh tỉnh Điện Biên - Phòng giao dịch N dư nợ gốc tính đến ngày 01/3/2022 là 643.900.000 đồng và lãi phí phát sinh là 1.020.309 đồng (Theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/9192511/HDTD ngày 10/07/2020) và nợ ông Trần Văn S số tiền 50.000.000 đồng.

- Bà Vũ Hồng Th được quyền sở hữu:

+ 01 ngôi nhà xây cấp 4, lợp tôn, diện tích xây dựng là 90 m^2 trên thửa đất số 25, tờ bản đồ số 35, địa chỉ tổ dân phố k, phường l, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: CM 176543, số vào sổ cấp CH41440, do UBND thành phố Điện Biên P cấp ngày 04/6/2018 mang tên người sử dụng: Ông Đặng Thế C và bà Vũ Hồng Th).

- Bà Vũ Hồng Th có nghĩa vụ trả nợ:

+ Trả nợ Ngân hàng m chi nhánh tỉnh Điện Biên - Phòng giao dịch N số tiền 730.000.000 đồng, dư nợ gốc tính đến ngày 01/3/2022 là 643.900.000 đồng và lãi phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/9192511/HDTD ngày 10/07/2020 là 1.020.309 đồng.

+ Trả nợ ông Trần Văn S số tiền 50.000.000 đồng.

+ Trả tiền chênh lệch giá trị tài sản chung của vợ chồng cho ông Đặng Thế C số tiền 80.630.000 đồng.

Thời điểm trả số tiền 80.630.000 đồng cho ông C khi quyết định này có hiệu lực pháp luật; ông C không yêu cầu tính lãi chậm trả khoản tiền này.

3.4. Ông C rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với việc giải quyết về khoản nợ chung của vợ chồng của ông Nguyễn Văn M.

3.5. Về án phí:

- Ông C tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng.

- Tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án là 36.387.373 đồng; Ông C phải chịu 18.193.686 đồng, bà Th phải chịu 18.193.687 đồng.

- Khấu trừ cho ông C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 44.231.400 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001690 ngày 22/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên; hoàn trả lại ông C 25.737.714 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Điện Biên P;
- UBND phường Z, TP. ĐBP;
- Chi cục THADS TP Điện Biên P;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu VP;
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Định